

Số: 24/2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày 9 tháng 5 năm 2025

**THÔNG TƯ****Hướng dẫn việc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản  
kết cấu hạ tầng thủy lợi**

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

**Chương I****PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này hướng dẫn việc tính hao mòn, trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là tài sản cố định quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này (sau đây gọi là tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi) do Nhà nước đầu tư, quản lý giao cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này quản lý.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì việc quản lý, trích khấu hao thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định áp dụng cho doanh nghiệp; không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

3. Đối với phần diện tích đất gắn liền với công trình thủy lợi thì chỉ theo dõi danh mục tài sản, không theo dõi, kế toán về giá trị của tài sản.

4. Thông tư này không điều chỉnh đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Việc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi quy định tại Thông tư này được áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm:

- a) Đơn vị sự nghiệp công lập;
- b) Cơ quan chuyên môn về thủy lợi;
- c) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Các cơ quan, đơn vị khác liên quan đến việc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

## **Chương II**

### **TIÊU CHUẨN XÁC ĐỊNH, NGUYÊN TẮC THEO DÕI ĐỐI VỚI TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI**

## **Điều 3. Tiêu chuẩn xác định tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi**

1. Xác định tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có kết cấu độc lập được xác định là một tài sản;

b) Một hệ thống tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, mà nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được thì hệ thống đó được xác định là một tài sản.

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là một hệ thống được giao cho nhiều cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý, khai thác thì phần tài sản được giao cho từng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp là một tài sản.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại khoản 1 Điều này được xác định là tài sản cố định khi thỏa mãn đồng thời 02 tiêu chuẩn sau đây:

- a) Có thời gian sử dụng từ 01 (một) năm trở lên;
- b) Có nguyên giá từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trở lên.

## **Điều 4. Nguyên tắc theo dõi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi**

1. Mỗi một tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là tài sản cố định quy định tại Điều 3 Thông tư này là một đối tượng ghi sổ kế toán. Kế toán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phải phản ánh, ghi chép đầy đủ thông tin về nguyên giá, giá trị còn



lại, hao mòn hoặc khấu hao của tài sản.

2. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có trách nhiệm:

a) Thực hiện ghi sổ kế toán đối với toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được giao quản lý theo quy định của pháp luật về kế toán;

b) Thực hiện kiểm kê tài sản định kỳ hằng năm; thực hiện tổng kiểm kê theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; thực hiện điều chỉnh số liệu kế toán nếu có chênh lệch phát sinh khi thực hiện kiểm kê, đảm bảo số liệu theo dõi trên sổ kế toán phải phù hợp, khớp với số liệu thực tế;

c) Thực hiện báo cáo kê khai, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không còn nhu cầu sử dụng nhưng chưa tính đủ hao mòn hoặc chưa khấu hao hết giá trị theo quy định thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, khai thác tài sản tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi, bảo quản tài sản theo quy định và tính hao mòn, trích khấu hao theo quy định tại Thông tư này cho đến khi được xử lý theo quy định.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã tính đủ hao mòn hoặc đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng được thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, khai thác tài sản tiếp tục thực hiện quản lý, sử dụng, theo dõi, bảo quản tài sản theo quy định và không phải tính hao mòn, trích khấu hao.

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã tính đủ hao mòn hoặc đã khấu hao hết giá trị nhưng sau đó thuộc trường hợp phải thay đổi nguyên giá theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư này thì phải tính hao mòn, trích khấu hao theo quy định cho thời gian sử dụng còn lại (nếu có) sau khi thay đổi nguyên giá.

5. Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thì cơ quan, đơn vị được giao quản lý, khai thác tài sản tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi và tính hao mòn, trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư này trong thời gian cho thuê quyền khai thác.

6. Trường hợp chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thì trong thời gian chuyển nhượng, cơ quan, đơn vị được giao quản lý, khai thác tài sản (bên chuyển nhượng):

a) Có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của bên nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản;

b) Không thực hiện tính hao mòn, trích khấu hao theo quy định tại Thông tư này nhưng phải tiếp tục theo dõi nguyên giá tài sản đã hạch toán tại thời điểm chuyển nhượng trên sổ kế toán và trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của chế độ kế toán hiện hành;



c) Khi hết thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, cơ quan, đơn vị được giao quản lý, khai thác tài sản tiếp nhận lại tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và quy định của pháp luật, thực hiện xác định lại nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản để thực hiện quản lý, sử dụng, tính hao mòn, trích khấu hao theo quy định tại Nghị định số 08/2025/NĐ-CP và Thông tư này.

### **Chương III**

#### **NGUYÊN GIÁ, HAO MÒN, KHẤU HAO, GIÁ TRỊ CÒN LẠI CỦA TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI**

##### **Điều 5. Xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi**

1. Nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã đưa vào sử dụng trước ngày Nghị định số 08/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được xác định như sau:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đang được theo dõi, ghi sổ kế toán thì nguyên giá tài sản là nguyên giá đang được theo dõi, ghi sổ kế toán;

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán:

b1) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã được quyết toán theo quy định của pháp luật thì sử dụng giá trị quyết toán theo hồ sơ để xác định nguyên giá ghi sổ kế toán;

b2) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi chưa có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản hoặc giá trị quyết toán thì sử dụng giá của công trình mẫu do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định (nếu có) để xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi tương đương.

Trường hợp sử dụng giá của công trình mẫu để xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi tương đương thì chỉ sử dụng nguyên giá này để theo dõi, ghi sổ kế toán, thực hiện báo cáo kê khai tài sản để đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

b3) Trường hợp không có căn cứ để xác định nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại điểm b1, điểm b2 khoản này nhưng có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng, giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá trị xây dựng mới (định mức xây dựng) của tài sản có cấp, hạng, công suất tương đương hình thành thông qua xây dựng hoặc mua sắm tại thời điểm đưa vào sử dụng thì nguyên giá tài sản được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên giá của tài sản kết cấu} \\ \text{hạ tầng thủy lợi} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá trị} \\ \text{xây dựng mới (định mức xây dựng) của tài} \\ \text{sản có cấp, hạng, công suất tương đương tại} \\ \text{thời điểm đưa tài sản vào sử dụng} \end{array}$$

Trong đó:

- Giá mua mới của tài sản cùng loại (được áp dụng đối với tài sản không phải là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc) là giá của tài sản mới cùng loại được bán trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng;

- Giá trị xây dựng mới (định mức xây dựng) của tài sản có cấp, hạng, công suất tương đương hình thành thông qua xây dựng hoặc mua sắm được áp dụng đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc (bao gồm cả nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc được hình thành thông qua mua sắm) được xác định như sau:

Giá xây dựng mới của tài sản	=	Đơn giá xây dựng mới của tài sản có cấp, hạng, quy mô công suất tương đương do UBND cấp tỉnh (nơi có tài sản) công bố áp dụng tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng	x	Diện tích, thể tích xây dựng/ Số lượng/tiêu chí khác (nếu có) của tài sản	+	Giá trị của các kết cấu khác gắn với công trình/hạng mục công trình xác định theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành (hoặc theo quy định cụ thể của địa phương nơi có tài sản) tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng
------------------------------	---	---	---	---	---	--

Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là một hệ thống hoàn chỉnh (bao gồm nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị) thì nguyên giá tài sản bằng tổng nguyên giá của nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị được xác định theo quy định tại điểm này;

b4) Trường hợp không có căn cứ để xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại các điểm b1, b2 và b3 khoản này thì cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để tư vấn xác định giá trị tài sản theo Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam để làm cơ sở đánh giá lại giá trị còn lại, thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá, báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

Căn cứ chứng thư thẩm định giá, báo cáo thẩm định giá do doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp và đặc điểm, tình trạng của tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi như sau:

Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	=	Giá trị đánh giá lại của tài sản	x	$\frac{\text{Thời gian tính hao mòn/trích khấu hao của tài sản theo quy định tại Điều 8 Thông tư này (năm)}}{\text{Thời gian tính hao mòn/trích khấu hao còn lại của tài sản (năm)}}$
---	---	----------------------------------	---	---

2. Nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đầu tư xây dựng mới,



hoàn thành đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định số 08/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành là giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng. Một số trường hợp đặc biệt được quy định như sau:

a) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã đưa vào sử dụng (do đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng) nhưng chưa có quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện ghi sổ kế toán tài sản kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao đưa tài sản vào sử dụng. Nguyên giá ghi sổ kế toán là nguyên giá tạm tính. Nguyên giá tạm tính trong trường hợp này được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên sau:

Giá trị thẩm tra quyết toán;

Giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán;

Giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu A-B (Tổng giá trị các bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu);

Giá trị dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp dự toán dự án được điều chỉnh);

Giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp tổng mức đầu tư được điều chỉnh).

Khi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện điều chỉnh giá trị đã ghi sổ kế toán theo giá trị quyết toán được phê duyệt để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện kế toán tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán;

b) Trường hợp dự án bao gồm nhiều hạng mục, tài sản (nhiều đối tượng ghi sổ kế toán tài sản) khác nhau nhưng không dự toán riêng, quyết toán riêng hoặc có dự toán riêng nhưng không quyết toán riêng cho từng hạng mục, tài sản thì thực hiện phân bổ cho từng hạng mục, tài sản để ghi sổ kế toán theo nguyên tắc chi phí trực tiếp liên quan đến tài sản cố định nào thì tính cho tài sản cố định đó; chi phí chung liên quan đến nhiều tài sản cố định thì phân bổ theo tỷ lệ chi phí trực tiếp của từng tài sản cố định so với tổng số chi phí trực tiếp của toàn bộ tài sản cố định;

c) Đối với dự án bao gồm nhiều hạng mục, tài sản (nhiều đối tượng ghi sổ kế toán tài sản) khác nhau mà được đầu tư, nghiệm thu theo từng hạng mục, tài sản thì hạng mục, tài sản nào đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng, nghiệm thu đưa vào sử dụng phải ghi sổ kế toán đối với hạng mục, tài sản đó kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng. Nguyên giá ghi sổ kế toán là nguyên giá tạm tính theo quy định tại điểm a khoản này.

Khi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án, cơ

quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá tạm tính theo giá trị quyết toán được phê duyệt để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện kế toán tài sản theo quy định; trường hợp không quyết toán riêng cho từng hạng mục, tài sản thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện phân bổ giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt cho từng hạng mục, tài sản để ghi sổ kế toán, điều chỉnh sổ kế toán (đối với hạng mục, tài sản đã ghi sổ kế toán) theo tiêu chí cho phù hợp (như: Diện tích xây dựng, số lượng, giá trị dự toán chi tiết của từng hạng mục, tài sản...);

d) Trường hợp giá trị quyết toán của dự án phải điều chỉnh theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền sau khi được thanh tra, kiểm tra, kiểm toán thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phải thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

3. Nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi tiếp nhận từ việc được giao, điều chuyển kể từ ngày Nghị định số 08/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Nguyên giá tài} & & \text{Nguyên giá} & & \text{Các khoản phí, lệ} & & \text{Chi} \\ \text{sản kết cấu hạ} & & \text{ghi trên Biên} & & \text{phí theo quy định} & & \text{phí} \\ \text{tầng thủy lợi} & = & \text{bản bàn giao,} & + & \text{của pháp luật về} & + & \text{khác} \\ \text{được giao, điều} & & \text{tiếp nhận tài} & & \text{phí và lệ phí (nếu} & & \text{(nếu} \\ \text{chuyển} & & \text{sản} & & \text{có)} & & \text{có)} \end{array}$$

Trong đó:

a) Nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định như sau:

a1) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã được theo dõi, ghi sổ kế toán, nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản là nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã được theo dõi, ghi sổ kế toán của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản giao, điều chuyển;

a2) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản giao, điều chuyển có trách nhiệm xác định nguyên giá tài sản theo quy định tương ứng tại khoản 1, khoản 2 Điều này trước khi trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển tài sản.

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được giao, được điều chuyển mà cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản theo tiêu chí cho phù hợp (như: diện tích, thể tích xây dựng, số lượng, giá trị tài sản phát sinh chi phí chung...).



4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi khi thực hiện kiểm kê phát hiện thừa thì tùy theo nguồn gốc và thời điểm đưa vào sử dụng, nguyên giá của tài sản được xác định tương ứng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận lại tài sản sau khi hết thời gian chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 4 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được xác định lại bằng (=) nguyên giá đã hạch toán tại thời điểm chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản cộng (+) giá trị đầu tư nâng cấp, mở rộng (nếu có) theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Thay đổi nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thay đổi trong các trường hợp sau đây:

a) Đánh giá lại giá trị tài sản khi thực hiện tổng kiểm kê theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Thực hiện nâng cấp, mở rộng tài sản theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

c) Tháo dỡ một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (trong trường hợp giá trị bộ phận tài sản tháo dỡ đang được hạch toán chung trong nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi), trừ trường hợp tháo dỡ khi bảo trì công trình; thanh lý một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

d) Lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, trừ trường hợp việc lắp đặt để thay thế khi bảo trì công trình;

đ) Tài sản bị mất một phần hoặc hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, sự cố bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác (trừ trường hợp tài sản đã được khôi phục lại thông qua bảo hiểm, bồi thường thiệt hại của tổ chức, cá nhân có liên quan).

7. Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi quy định tại Điều này là căn cứ để thực hiện ghi sổ kế toán, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

#### **Điều 6. Xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp thay đổi nguyên giá tài sản**

Khi phát sinh việc thay đổi nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 5 Thông tư này, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện lập Biên bản ghi rõ lý do (trường hợp) thay đổi nguyên giá; đồng thời xác định lại chỉ tiêu nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi làm cơ sở xác định mức hao mòn, khấu hao, giá trị còn lại của tài sản để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện việc quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư này.



Việc xác định lại nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với các trường hợp thay đổi nguyên giá được thực hiện như sau:

1. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 6 Điều 5 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được xác định lại theo hướng dẫn của cơ quan, người có thẩm quyền về kiểm kê, đánh giá lại tài sản.

2. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 6 Điều 5 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được xác định lại bằng (=) nguyên giá đang hạch toán cộng (+) phần giá trị tăng thêm do đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi. Trong đó, phần giá trị tăng thêm do đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật; trường hợp chưa có quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện ghi sổ kế toán đối với phần giá trị tăng thêm do đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng. Phần giá trị tăng thêm trong nguyên giá ghi sổ kế toán là giá trị tạm tính, được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên sau:

Giá trị thẩm tra quyết toán;

Giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán;

Giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu A-B (Tổng giá trị các bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu);

Giá trị dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp dự toán dự án được điều chỉnh);

Giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp tổng mức đầu tư được điều chỉnh).

Khi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện điều chỉnh lại phần giá trị tăng thêm trong nguyên giá trên sổ kế toán theo giá trị quyết toán được phê duyệt để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện kế toán tài sản theo quy định.

Trường hợp dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt để đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng tài sản khác (không thuộc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi nhưng trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi) thì phần giá trị tăng thêm do đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là phần giá trị đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong giá trị quyết toán của dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đối với trường hợp tháo dỡ một hay một số bộ phận, thanh lý một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi quy định tại điểm c khoản 6 Điều 5 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được xác định lại



bằng (=) nguyên giá đang hạch toán trừ (-) phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi tháo dỡ, thanh lý cộng (+) chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc tháo dỡ, thanh lý mà cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã chi ra tính đến thời điểm hoàn thành việc tháo dỡ, thanh lý.

Trong đó, phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi tháo dỡ, thanh lý được xác định như sau:

a) Trường hợp có hồ sơ xác định giá mua, giá trị quyết toán/giá trị dự toán của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi tháo dỡ, thanh lý thì phần giá trị của bộ phận tài sản tháo dỡ được xác định theo giá mua, giá trị quyết toán/giá trị dự toán của bộ phận tài sản tháo dỡ, thanh lý đó;

b) Trường hợp không có hồ sơ quy định tại điểm a khoản này nhưng phân bổ được nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cho bộ phận tài sản tháo dỡ, thanh lý theo tiêu chí phù hợp (như: diện tích xây dựng, số lượng, giá mua, dự toán...) thì phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi tháo dỡ, thanh lý được xác định theo giá trị phân bổ;

c) Trường hợp không có hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b khoản này và không phân bổ được nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cho bộ phận tài sản tháo dỡ, thanh lý thì xác định phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi tháo dỡ, thanh lý là giá mua mới của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi tháo dỡ, thanh lý trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

Trường hợp không xác định được giá mua mới của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi tháo dỡ, thanh lý trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng thì cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi tháo dỡ, thanh lý làm căn cứ xác định nguyên giá tài sản sau khi tháo dỡ, thanh lý.

Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá, báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

4. Đối với trường hợp lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi quy định tại điểm d khoản 6 Điều 5 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được xác định lại bằng (=) nguyên giá đang hạch toán cộng (+) phần giá trị tăng thêm do lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (+) chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt mà cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã chi ra tính đến thời điểm hoàn thành việc lắp đặt.

Trong đó, phần giá trị tăng thêm do lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là giá trị tương ứng của bộ phận tài sản được lắp đặt thêm được xác định theo các trường hợp tương ứng quy định tại Điều 5 Thông tư này.



5. Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 5 Thông tư này thì cơ quan quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá để đánh giá lại giá trị còn lại, thời gian tính hao mòn, trích khấu hao còn lại của tài sản (bao gồm cả chi phí thuê doanh nghiệp thẩm định giá để đánh giá lại giá trị còn lại, thời gian tính hao mòn, trích khấu hao còn lại của tài sản) phù hợp với quy định tại Điều 8 Thông tư này đối với tài sản bị thiệt hại để ghi trên Biên bản xác định việc thay đổi nguyên giá. Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp này được xác định như sau:

$$\text{Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi} = \frac{\text{Giá trị đánh giá lại của tài sản} \times \text{Thời gian tính hao mòn/trích khấu hao của tài sản theo quy định tại Điều 8 Thông tư này (năm)}}{\text{Thời gian tính hao mòn/trích khấu hao còn lại của tài sản (năm)}}$$

Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá, báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

### **Điều 7. Nguyên tắc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là tài sản cố định được giao cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý, khai thác phải tính hao mòn theo quy định tại Thông tư này, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

Đối với tài sản mà cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận từ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp khác theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong năm thì việc tính hao mòn trong năm đó được thực hiện tại cơ quan, đơn vị tiếp nhận tài sản;

2. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được trích khấu hao trong trường hợp giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi được tính (kết cấu) một phần hoặc toàn bộ chi phí khấu hao vào giá thành dịch vụ thủy lợi công ích.

Riêng đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được giao cho đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quản lý, đơn vị sự nghiệp công lập được cấp có thẩm quyền cho phép được kết cấu chi phí khấu hao vào giá thành dịch vụ thủy lợi công ích thì thực hiện tính hao mòn, trích khấu hao như doanh nghiệp thuộc lĩnh vực thủy lợi theo pháp luật về doanh nghiệp.

3. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không phải tính hao mòn, trích khấu hao đối với:

a) Tài sản chưa tính hết hao mòn, chưa trích khấu hao hết giá trị nhưng đã bị hư hỏng không thể sửa chữa để sử dụng được;

b) Tài sản đã tính đủ hao mòn, trích khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng được;

c) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong thời gian chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

4. Việc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Thực hiện trên cơ sở các tiêu chí sau:

a1) Loại tài sản (Hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi hoàn chỉnh/từng tài sản độc lập);

a2) Thời gian tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

a3) Tỷ lệ hao mòn, khấu hao;

a4) Kỳ kế toán theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

b) Căn cứ tình hình kết cấu chi phí khấu hao tài sản vào giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp xác định hình thức tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi như sau:

b1) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không được tính (kết cấu) chi phí khấu hao tài sản vào giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện tính hao mòn toàn bộ;

b2) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được tính (kết cấu) toàn bộ chi phí khấu hao tài sản vào giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện trích khấu hao toàn bộ;

b3) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được tính (kết cấu) một phần chi phí khấu hao tài sản vào giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi vừa thực hiện tính hao mòn, vừa thực hiện trích khấu hao.

5. Việc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện như sau:

a) Việc tính hao mòn thực hiện mỗi năm 01 (một) lần vào tháng 12, trước khi khóa sổ kế toán;

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được trích khấu hao toàn bộ thì việc trích khấu hao thực hiện theo tháng;

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi vừa tính hao mòn vừa trích khấu hao thì việc tính hao mòn và trích khấu hao thực hiện theo tháng.

**Điều 8. Danh mục tài sản, khung thời gian tính hao mòn, trích khấu hao và tỷ lệ tính hao mòn, trích khấu hao**

1. Trường hợp đối tượng ghi sổ kế toán là hệ thống



STT	Loại tài sản	Thời gian tính hao mòn/ trích khấu hao (năm)	Tỷ lệ hao mòn/khấu hao (%/năm)
	Hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi hoàn chỉnh	20 - 80	5 – 1,25

2. Trường hợp đối tượng ghi sổ kế toán là từng tài sản độc lập

STT	Loại tài sản	Thời gian tính hao mòn/ trích khấu hao (năm)	Tỷ lệ hao mòn/khấu hao (%/năm)
1	Trụ sở làm việc, nhà quản lý, trạm quản lý (không bao gồm trụ sở làm việc, văn phòng làm việc của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi nằm ngoài phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi) <sup>1</sup> .		
	- Cấp I	50	2
	- Cấp II	25	4
	- Cấp III	20	5
	- Cấp IV	15	6,67
2	Đập, hồ chứa nước <sup>2</sup>		
	- Đặc biệt	60	1,67
	- Cấp I	50	2
	- Cấp II	40	2,5
	- Cấp III	25	4
	- Cấp IV	20	5
3	Cống	5 - 25	20 - 4

<sup>1</sup> Cấp công trình căn cứ theo pháp luật về xây dựng.

<sup>2</sup> Cấp công trình căn cứ theo pháp luật về thủy lợi.

4	Trạm bơm	15 - 50	6,67 - 2
5	Hệ thống dẫn, chuyên nước	15 - 20	6,67 - 5
6	Kè	10 - 30	10 - 3,33
7	Bờ bao thủy lợi	15 - 30	6,67 - 3,33
8	Thiết bị quan trắc	5 - 10	20 - 10
9	Kho, bãi vật tư, vật liệu	8 - 20	12,5 - 5
10	Cột mốc chỉ giới, biển báo	8 - 10	12,5 - 10
11	Công trình, vật kiến trúc còn lại phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi.	8 - 10	12,5 - 10

3. Căn cứ vào quy mô, cấp, hạng công trình, đặc điểm kinh tế, xã hội của từng địa phương; căn cứ vào thời gian tính hao mòn/trích khấu hao, tỷ lệ hao mòn/khấu hao quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này; căn cứ đề nghị của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, cơ quan chuyên môn về thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp quyết định thời gian tính hao mòn/trích khấu hao và tỷ lệ hao mòn/khấu hao cụ thể đối với từng hệ thống, từng tài sản độc lập (từng đối tượng ghi sổ kế toán) đối với hệ thống và các tài sản độc lập có thời gian tính hao mòn/trích khấu hao và tỷ lệ hao mòn/ khấu hao theo khung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, đảm bảo phù hợp.

### **Điều 9. Phương pháp tính hao mòn, khấu hao**

1. Mức hao mòn, khấu hao:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi chỉ tính hao mòn thì mức hao mòn hằng năm của từng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được tính theo công thức:

$$\text{Mức hao mòn hằng năm của tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi}}{\text{Số năm}} \times \text{Tỷ lệ hao mòn (\%/năm)}$$

Trong đó:

- Nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được xác định theo quy định tại Điều 5 Thông tư này;



- Tỷ lệ hao mòn được xác định theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi chỉ trích khấu hao thì mức khấu hao hằng tháng của từng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được tính theo công thức:

$$\text{Mức khấu hao hằng tháng của tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản} \times \text{Tỷ lệ khấu hao (\%/năm)}}{12 \text{ tháng}}$$

Trong đó:

- Nguyên giá của tài sản được xác định theo quy định tại Điều 5 Thông tư này;

- Tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi vừa thực hiện tính hao mòn, vừa thực hiện trích khấu hao thì mức hao mòn, khấu hao hằng tháng của từng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được tính như sau:

c1) Mức khấu hao bằng (=) chi phí khấu hao được tính (kết cấu) vào giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trong thời gian trích khấu hao của tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

c2) Mức hao mòn được tính theo công thức như sau:

$$\text{Mức hao mòn} = \frac{\text{Mức hao mòn tính theo điểm a khoản này}}{12 \text{ tháng}} - \text{Mức khấu hao quy định tại điểm c1}$$

2. Số hao mòn lũy kế, số khấu hao đã trích:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi chỉ tính hao mòn thì số hao mòn tài sản lũy kế được tính theo công thức:

$$\text{Số hao mòn tài sản lũy kế đến năm (n)} = \text{Số hao mòn tài sản lũy kế đến năm (n-1)} + \text{Số hao mòn tài sản tăng trong năm (n)} - \text{Số hao mòn tài sản giảm trong năm (n)}$$

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi chỉ trích khấu hao thì số khấu hao đã trích được tính theo công thức:

$$\text{Số khấu hao tài sản đã trích đến kỳ kế toán (t)} = \text{Số khấu hao tài sản đã trích đến kỳ kế toán (t-1)} + \text{Số khấu hao tài sản tăng trong kỳ kế toán (t)} - \text{Số khấu hao tài sản giảm trong kỳ kế toán (t)}$$

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi vừa thực hiện tính hao mòn, vừa thực hiện trích khấu hao thì số hao mòn lũy kế và số khấu hao đã trích được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Số hao mòn lũy kế} \\ + \text{số khấu hao đã} \\ \text{trích đến kỳ kế} \\ \text{toán (t)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số hao mòn lũy kế} \\ + \text{số khấu hao đã} \\ \text{trích đến kỳ kế toán} \\ \text{(t-1)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số hao mòn + số} \\ \text{khấu hao tài sản} \\ \text{tăng trong kỳ kế} \\ \text{toán (t)} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số hao mòn + số} \\ \text{khấu hao tài sản} \\ \text{giảm trong kỳ kế} \\ \text{toán (t)} \end{array}$$

3. Mức tính hao mòn, trích khấu hao cho năm cuối cùng/kỳ kế toán cuối cùng của thời gian sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi chỉ tính hao mòn thì mức tính hao mòn cho năm cuối cùng của thời gian sử dụng tài sản được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Mức tính hao mòn tài sản} \\ \text{của năm cuối cùng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá} \\ \text{của tài sản} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số hao mòn tài sản lũy kế} \\ \text{đến trước năm cuối cùng} \\ \text{xác định theo quy định tại} \\ \text{điểm a khoản 2 Điều này} \end{array}$$

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi chỉ trích khấu hao thì mức trích khấu hao cho kỳ kế toán cuối cùng của thời gian sử dụng tài sản được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao tài sản} \\ \text{cho kỳ kế toán cuối cùng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá của} \\ \text{tài sản} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số khấu hao tài sản đã trích} \\ \text{tính đến trước kỳ kế toán} \\ \text{cuối cùng (xác định theo} \\ \text{quy định tại điểm b khoản 2} \\ \text{Điều này)} \end{array}$$

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi vừa thực hiện tính hao mòn, vừa thực hiện trích khấu hao thì mức tính hao mòn/trích khấu hao cho kỳ kế toán cuối cùng của thời gian sử dụng tài sản được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Mức tính hao mòn/trích khấu} \\ \text{hao cho kỳ kế toán cuối cùng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá của} \\ \text{tài sản} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số hao mòn lũy kế/khấu hao đã} \\ \text{trích tính đến trước kỳ kế toán} \\ \text{cuối cùng xác định theo quy định} \\ \text{tại điểm c khoản 2 Điều này} \end{array}$$

### **Điều 10. Giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi**

1. Giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi chỉ tính hao mòn được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại của tài sản} \\ \text{kết cấu hạ tầng thủy lợi} \\ \text{tính đến ngày 31 tháng 12} \\ \text{năm (n)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá của} \\ \text{tài sản} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số hao mòn tài sản lũy kế} \\ \text{đến ngày 31 tháng 12 năm} \\ \text{(n)} \end{array}$$

2. Giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi chỉ trích khấu hao được tính theo công thức:



$$\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại của tài sản} \\ \text{kết cấu hạ tầng thủy lợi} \\ \text{tính đến ngày 31 tháng 12} \\ \text{năm (n)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá của} \\ \text{tài sản} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số khấu hao tài sản đã trích} \\ \text{đến ngày 31 tháng 12 năm} \\ \text{(n)} \end{array}$$

3. Giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi vừa thực hiện tính hao mòn, vừa thực hiện trích khấu hao được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại} \\ \text{của tài sản kết} \\ \text{cấu hạ tầng thủy} \\ \text{lợi tính đến ngày} \\ \text{31 tháng 12 năm} \\ \text{(n)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá} \\ \text{của tài sản} \end{array} - \left[ \begin{array}{l} \text{Số hao mòn} \\ \text{lũy kế đến} \\ \text{ngày 31 tháng} \\ \text{12 năm (n)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số khấu hao đã} \\ \text{trích đến ngày 31} \\ \text{tháng 12 năm (n)} \end{array} \right]$$

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã được tính hao mòn theo quy định tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi và danh mục tài sản tính hao mòn/trích khấu hao tại Thông tư này có điều chỉnh so với Thông tư số 75/2018/TT-BTC thì từ năm tài chính 2025 trở đi, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện việc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư này.

2. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi chưa được tính hao mòn, trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện tính hao mòn toàn bộ cho các năm đã sử dụng tài sản đến hết năm tài chính 2024 theo tỷ lệ hao mòn quy định tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC và được cộng vào số hao mòn, trích khấu hao của tài sản đó của năm tài chính 2025.

#### **Điều 12. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và được áp dụng từ năm tài chính 2025.

2. Các quy định liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, quy định có chứa cụm từ “thủy lợi” tại toàn bộ nội dung và Phần V Phụ lục kèm theo Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi của Bộ Tài chính bị bãi bỏ kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa

đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện việc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại Thông tư này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HDND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Công TTĐT Chính phủ; Công TTĐT Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLCS. (270) *Mh*

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Bùi Văn Khăng**